SỞ Y TẾ HÀ TĨNH **BỆNH VIỆN ĐA KHOA** **THỊ XÃ KỲ ANH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58/VBCB-BVĐKKA	*Thị xã Kỳ Anh, ngày 01 tháng 10 năm 2018*

VĂN BẢN CÔNG BỐ
Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài

Kính gửi: Sở Y tế Hà Tĩnh

Tên cơ sở nộp hồ sơ: Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh

Địa điểm: Tổ dân phố Hưng Hòa, phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh

Điện thoai: 02393.966.028 Email (nếu có):

Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe có yếu tố nước ngoài và gửi kèm theo văn bản này 01 bộ hồ sơ gồm các giấy tờ sau:

1. Bản sao hợp lệ Giấy phép hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ☒
2. Danh sách người tham gia khám sức khỏe ☒
3. Bản kê khai cơ sở vật chất, thiết bị y tế, tổ chức và nhân sự của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. ☒
4. Báo cáo về phạm vi hoạt động chuyên môn ☒
5. Các hợp đồng hỗ trợ chuyên môn kỹ thuật hợp pháp ☒

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH HÀ TĨNH
BỆNH VIỆN ĐA KHOA THỊ XÃ KỲ ANH

Phan Thị Xuân Liễu

I. DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

TT	Họ và tên	Bằng cấp chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám bệnh, chữa bệnh
1	Phan Thị Xuân Liễu	Bs CK II Quản lý Y tế	0001708/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	26 năm
2	Thái Phong Vũ	Thạc sĩ Nhi	000409/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	28 năm
3	Lê Thanh Bình	Bs CKI Ngoại	0001459/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	39 năm
4	Ng. Thị Kim Oanh	Bs CKI Nhi	0001497/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	10 năm
5	Đặng Diên	Bs CKI Gây mê HS	0001427/HT-CCHN	Khám Nội khoa	24 năm
6	Nguyễn Chơn	Bs CKI Hồi sức cấp cứu	003745/QN-CCHN	Khám Nội khoa	14 năm
7	Lê Thị Nguyệt Linh	Bs CKI Nội	0002398/HT-CCHN	Khám Nội khoa	23 năm
8	Lê Hồng Thắng	Bs CKI Ngoại	0001470/HT-CCHN	Khám Ngoại khoa	26 năm
9	Võ Minh Tuấn	Bs CKI Ngoại	0001474/HT-CCHN	Khám Ngoại khoa	16 năm
10	Lê Văn Huy	Bs CKI Ngoại	0001472/HT-CCHN	Khám Ngoại khoa	18 năm
11	Thiều Quang Phúc	Bs CKI Sản	0001478/HT-CCHN	Khám Sản phụ khoa	18 năm
12	Lê Văn Thành	Bs CKI Sản	000404/HT-CCHN	Khám Sản phụ khoa	21 năm
13	Bùi Anh Quốc	Bs CKI Sản	0001471/HT-CCHN	Khám Sản phụ khoa	07 năm
14	Nguyễn Đức Khoa	Bs CK I Mắt	0002008/HT-CCHN	Khám Mắt	
15	Nguyễn Thanh Toan	Bs CKI Tai - Mũi-Họng	0001498/HT-CCHN	Khám Tai - Mũi - Họng	21 năm
16	Nguyễn Văn Lợi	Bs CKI Răng-Hàm-Mặt	000342/HT-CCHN	Khám Răng-Hàm-Mặt	21 năm
17	Nguyễn Chí Trung	Bs CKI Da liễu	0003994/HT-CCHN	Khám Da liễu	
18	Lê Ngọc Lan	Bs CKI Chẩn đoán hình ảnh	000094/HT-CCHN	Siêu âm, đọc và kết luận phim chụp XQ	20 năm
19	Phùng Thị Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	0001464/HT-CCHN	Khám thể lực	29 năm
20	Hà Thị Thanh Tâm	Điều dưỡng hạng IV	0001442/HT-CCHN	Khám thể lực	6 năm
21	Trần Thị Thu Hiền	Điều dưỡng hạng IV	0001443/HT-CCHN	Khám thể lực	12 năm
22	Nguyễn Thị Dược	Điều dưỡng hạng IV	0001417/HT-CCHN	Khám thể lực	9 năm
23	Trần Thị Lan	Điều dưỡng hạng IV	0001466/HT-CCHN	Khám thể lực	6 năm
24	Phùng Thị Điệp	Điều dưỡng hạng IV	004773/HT-CCHN	Khám thể lực	5 năm
25	Nguyễn Như Phùng	Kỹ thuật viên hạng III	0002826/HT-CCHN	Xác nhận kết quả xét nghiệm	23 năm

26	Trần Thị Minh Diệp	Kỹ thuật viên hạng III	0001491/HT-CCHN	Xác nhận kết quả xét nghiệm	9 năm

DANH SÁCH NHÂN SỰ PHIÊN DỊCH				
TT	**Họ và tên**	**Bằng cấp chuyên môn**	**Bằng cấp ngoại ngữ**	**Trường đào tạo Ngoại ngữ**
1	Phạm Thị Thúy Hằng	Bác sĩ Y học cổ truyền, Bệnh viện đa khoa Kỳ Anh	Tiếng Anh, B1-CEFR. Tiếng Trung: HSK4	Trường Đại học Ngoại ngữ Huế

II. DANH SÁCH NGƯỜI THỰC HIỆN KHÁM SỨC KHỎE, KHÁM SỨC KHỎE ĐỊNH KỲ

TT	Họ và tên	Bằng cấp chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Vị trí chuyên môn	Thời gian khám bệnh, chữa bệnh
1	Phan Thị Xuân Liễu	Bs CK II Quản lý Y tế	0001708/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	26 năm
2	Thái Phong Vũ	Thạc sĩ Nhi	000409/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	28 năm
3	Lê Thanh Bình	Bs CKI Ngoại	0001459/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	39 năm
4	Ng. Thị Kim Oanh	Bs CKI Nhi	0001497/HT-CCHN	Kết luận sức khỏe	10 năm
5	Đặng Diên	Bs CKI Gây mê HS	0001427/HT-CCHN	Khám Nội khoa	24 năm
6	Nguyễn Chơn	Bs CKI Hồi sức cấp cứu	003745/QN-CCHN	Khám Nội khoa	14 năm
7	Lê Thị Nguyệt Linh	Bs CKI Nội	0002398/HT-CCHN	Khám Nội khoa	23 năm
8	Trần Thị Lệ Quyên	Bs đa khoa	0001429/HT-CCHN	Khám Nội khoa	23 năm
9	Lê Hồng Thắng	Bs CKI Ngoại	0001470/HT-CCHN	Khám Ngoại khoa	26 năm
10	Lê Văn Huy	Bs CKI Ngoại	0001472/HT-CCHN	Khám Ngoại khoa	18 năm
11	Thiều Quang Phúc	Bs CKI Sản	0001478/HT-CCHN	Khám Sản phụ khoa	18 năm
12	Lê Văn Thành	Bs CKI Sản	000404/HT-CCHN	Khám Sản phụ khoa	21 năm
13	Bùi Anh Quốc	Bs CKI Sản	0001471/HT-CCHN	Khám Sản phụ khoa	07 năm
14	Nguyễn Quốc Tuấn	Bs CKI Nhi	09/HT-CCHN	Khám Nhi khoa	23 năm
15	Nguyễn Hoài Nam	Bs CKI Nhi	08/HT-CCHN	Khám Nhi khoa	31 năm
16	Ngô Đức Cận	Bs chuyên khoa định hướng Mắt	0004262/HT-CCHN	Khám Mắt	05 năm
17	Nguyễn Thanh Toan	Bs CKI Tai - Mũi-Họng	0001498/HT-CCHN	Khám Tai - Mũi - Họng	21 năm
18	Nguyễn Văn Đào	Bs chuyên khoa định hướng TMH	0001493/HT-CCHN	Khám Tai - Mũi - Họng	07 năm
19	Nguyễn Văn Lợi	Bs CKI Răng-Hàm-Mặt	000342/HT-CCHN	Khám Răng-Hàm-Mặt	21 năm

20	Nguyễn Thị Linh	Bs chuyên khoa định hướng RHM	0001499/HT-CCHN	Khám Răng-Hàm-Mặt	29 năm
21	Hoàng Hà Trang	Bác sĩ Răng Hàm Mặt	004535/HT-CCHN	Khám Răng-Hàm-Mặt	03 năm
22	Võ Minh Tuấn	Bs CKI Ngoại	0001474/HT-CCHN	Khám Da liễu	16 năm
23	Lê Anh Phương	Bs đa khoa	004806/HT-CCHN	Khám Da liễu	11 năm
24	Lê Ngọc Lan	Bs CKI Chẩn đoán hình ảnh	000094/HT-CCHN	Siêu âm, đọc và kết luận phim chụp XQ	20 năm
25	Võ Xuân Mừng	Bs chuyên khoa định hướng CĐHA	0001492/HT-CCHN	Siêu âm, đọc và kết luận phim chụp XQ	30 năm
26	Phùng Thị Mỹ	Điều dưỡng hạng IV	0001464/HT-CCHN	Khám thể lực	29 năm
27	Hà Thị Thanh Tâm	Điều dưỡng hạng IV	0001442/HT-CCHN	Khám thể lực	6 năm
28	Trần Thị Thu Hiền	Điều dưỡng hạng IV	0001443/HT-CCHN	Khám thể lực	12 năm
29	Nguyễn Thị Dược	Điều dưỡng hạng IV	0001417/HT-CCHN	Khám thể lực	9 năm
30	Trần Thị Lan	Điều dưỡng hạng IV	0001466/HT-CCHN	Khám thể lực	6 năm
31	Phùng Thị Điệp	Điều dưỡng hạng IV	004773/HT-CCHN	Khám thể lực	5 năm
32	Nguyễn Như Phùng	Kỹ thuật viên hạng III	0002826/HT-CCHN	Xác nhận kết quả xét nghiệm	23 năm
33	Trần Thị Minh Diệp	Kỹ thuật viên hạng III	0001491/HT-CCHN	Xác nhận kết quả xét nghiệm	9 năm

III. DANH MỤC CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ Y TẾ CỦA CƠ SỞ KHÁM SỨC KHỎE

(Kèm theo Thông tư số 14/2013/TT-BYT ngày 06 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

TT	Nội dung	Số lượng
	I. CƠ SỞ VẬT CHẤT	
1	Phòng khám đa khoa (Phòng tiếp đón)	01
2	Phòng khám chuyên khoa: Nội, nhi, ngoại, sản phụ khoa, mắt, tai mũi họng, răng hàm mặt, da liễu	08
3	Phòng chụp X. quang	03
4	Phòng xét nghiệm	03
	II. THIẾT BỊ Y TẾ	
1	Tủ hồ sơ bệnh án/phương tiện lưu trữ hồ sơ khám sức khỏe	01
2	Tủ thuốc cấp cứu/túi thuốc cấp cứu	01
3	Bộ bàn ghế khám bệnh	08
4	Giường khám bệnh	08
5	Ghế chờ khám	30
6	Tủ sấy dụng cụ	01

TT	Nội dung	Số lượng
7	Nồi luộc, khử trùng dụng cụ y tế	01
8	Cân có thước đo chiều cao/Thước dây	08
9	Ống nghe tim phổi	08
10	Huyết áp kế	08
11	Đèn đọc phim X.quang	05
12	Búa thử phản xạ	01
13	Bộ khám da (kính lúp)	01
14	Đèn soi đáy mắt	01
15	Hộp kính thử thị lực	01
16	Bảng kiểm tra thị lực	01
17	Bảng thị thực màu	01
18	Bộ khám tai mũi họng: đèn soi, 20 bộ dụng cụ, khay đựng	01
19	Bộ khám răng hàm mặt	05
20	Bàn khám và bộ dụng cụ khám phụ khoa	01
21	Thiết bị phân tích huyết học	01
22	Thiết bị phân tích sinh hóa	01
23	Thiết bị phân tích nước tiểu/Bộ dụng cụ thử nước tiểu	01
24	Thiết bị chụp X. quang	03
III. CƠ SỞ VẬT CHẤT CHO KHÁM SỨC KHỎE CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI		
25	Thiết bị đo điện não	01
26	Thiết bị siêu âm	06
27	Thiết bị điện tâm đồ	03